

QUAN HỆ **VIỆT NAM - LIÊN MINH CHÂU ÂU** **TỪ 1995 TỚI NAY**

Đàm Huy Hoàng
Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

Cách đây 11 năm, vào ngày 22-10-1990, quan hệ Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EU) đã được thiết lập ở cấp đại sứ. Đây là lần đầu tiên nước ta có quan hệ chính thức với EU với tư cách là một tổ chức hợp tác khu vực. Sau khi được thiết lập, quan hệ hợp tác Việt Nam - EU đã phát triển khá thuận lợi. Tuy nhiên, chỉ từ giữa những năm 90, quan hệ hợp tác Việt Nam - EU mới có những bước tiến có tính chất đột phá, đưa lại lợi ích cho cả hai bên và đóng góp tích cực vào xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển ở hai khu vực. Bước phát triển mới trong quan hệ Việt Nam - EU là do sự xuất hiện những nhân tố mới, tích cực ở cả hai phía.

I. NHỮNG NHÂN TỐ MỚI CÓ TÁC ĐỘNG TỚI QUAN HỆ VIỆT NAM - EU TỪ SAU 1995.

1. Việt Nam trở thành thành viên chính thức của ASEAN

Ngày 28-7-1995, Việt Nam đã trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN, tổ chức hợp tác khu vực đã thiết lập quan hệ chính thức với Cộng đồng Châu Âu từ 1972. Hợp tác ASEAN - EU dựa trên nền tảng pháp lý là Hiệp định hợp tác ASEAN - EEC được ký kết tại Kuala Lumpur tháng 8-1980. Với

việc tham gia vào ASEAN, tính chất của quan hệ Việt Nam - EU đã thay đổi. Đó không chỉ còn là quan hệ giữa một quốc gia độc lập có chủ quyền với một tổ chức hợp tác khu vực mà còn là quan hệ của một nước thành viên ASEAN với EU, đối tác lâu đời nhất của ASEAN.

Ngay sau khi chính thức gia nhập ASEAN, Việt Nam đã cam kết tham gia vào tiến trình liên kết kinh tế khu vực của ASEAN. Việc xây dựng khu vực mậu dịch tự do (AFTA) được chính thức triển khai ở nước ta từ ngày 1-1-1996 và hoàn tất vào 1-1-2006.

Trên cơ sở những thành tựu do công cuộc đổi mới đất nước đưa lại, Đại hội VIII Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1996) đã khẳng định quyết tâm đẩy nhanh hơn nữa công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH) đất nước, nhằm rút ngắn khoảng cách giữa nước ta và các nước láng giềng trong khu vực.

Để hiện thực hoá mục tiêu trên, Đảng ta càng coi trọng việc mở rộng hợp tác quốc tế, trong đó có hợp tác với EU, một trong những trung tâm kinh tế và chính trị hàng

dầu trên thế giới. Đường lối đối ngoại do Đại hội VIII đề ra đã tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta mở rộng quan hệ hợp tác với EU.

2. Chiến lược Châu Á mới (New Asia Strategy - NAS) của EU.

Về phía EU, sau một thời gian coi nhẹ tiềm năng phát triển của châu Á, vào giữa những năm 90 vừa qua, EU đã nhận thấy sự cần thiết phải thay đổi chính sách của họ đối với châu lục này, do châu Á ở thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh không còn là châu Á nghèo nàn, lạc hậu về kinh tế và thụ động về chính trị như trong những thập niên trước nữa.

Trước một châu Á đang thay đổi nhanh chóng như vậy, các nước lớn đều tiến hành điều chỉnh chính sách của họ đối với khu vực này. Thực tế đó khiến EU nhận ra rằng, nếu tiếp tục chính sách "*lẩn tránh châu Á*" EU sẽ tự đánh mất những cơ hội, những lợi ích mà một châu Á đang vươn lên mạnh mẽ có thể đưa lại cho họ. Nhằm duy trì ảnh hưởng và quyền lợi của châu Âu ở châu Á, ngày 13-7-1994, Ủy ban Châu Âu đã trình lên Hội đồng Châu Âu một văn kiện quan trọng nhan đề: "*Hướng tới một Chiến lược Châu Á mới* (Towards a New Asia Strategy - NAS). Năm tháng sau khi được trình cho Hội đồng Châu Âu, NAS đã được Hội đồng thông qua vào tháng 12-1994 và được Nghị viện Châu Âu phê chuẩn vào năm 1995.

Mục đích chính của NAS là tăng cường sự có mặt về kinh tế và chính trị của EU ở châu Á để duy trì vai trò lãnh đạo của Liên

minh trong nền kinh tế thế giới⁽¹⁾.

Trong Chiến lược Châu Á mới của EU, vị trí của ASEAN trở nên rất quan trọng. ASEAN được EU xem là bàn đạp để đi vào vùng Châu Á - Thái Bình Dương năng động về kinh tế trong thế kỷ XXI.

Do vai trò quan trọng đó của ASEAN, Ủy ban Châu Âu nhận thấy việc tạo ra sự năng động mới trong quan hệ của EU với các nước ASEAN có thể tạo nên đóng góp đáng kể vào việc tăng cường sự có mặt của châu Âu ở châu Á.

Bước phát triển mới trong quan hệ EU - ASEAN sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển quan hệ của nước ta với EU.

Như vậy, những nhân tố mới trong tình hình chính trị, kinh tế và quan hệ quốc tế của Việt Nam và EU đã tạo cơ hội cho bước phát triển mới, cao hơn trong quan hệ giữa hai bên từ 1995 tới nay.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ MỚI CỦA QUAN HỆ VIỆT NAM - EU

1. Hiệp định Hợp tác giữa Cộng đồng Châu Âu và Cộng hòa XHCN Việt Nam.

Trên cơ sở phát triển quan hệ giữa hai bên và những diễn biến mới trong tình hình khu vực, ngày 17-7-1995, Việt Nam và EU đã ký "*Hiệp định hợp tác EU - Việt Nam và Cộng đồng Châu Âu*".

Hiệp định hợp tác EU - Việt Nam được nhằm vào 4 mục đích sau:

- Đảm bảo các điều kiện và khuyến

⁽¹⁾ Towards a New Asia Strategy. Ibid. P. 2.

khích sự gia tăng và phát triển đầu tư thương mại giữa hai bên trên cơ sở lợi ích chung, tính tới hoàn cảnh kinh tế của mỗi bên.

- Hỗ trợ sự phát triển kinh tế của Việt Nam và cải thiện điều kiện sống cho các tầng lớp dân cư nghèo.

- Thúc đẩy hợp tác kinh tế trên lợi ích chung, bao gồm hỗ trợ những cố gắng hiện hành của Chính phủ Việt Nam trong việc cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển sang kinh tế thị trường.

- Hỗ trợ bảo vệ môi trường và quản lý thoả đáng các nguồn tài nguyên.

Hiệp định gồm 21 điều, đề cập tới các lĩnh vực hợp tác thương mại, đầu tư, sở hữu trí tuệ, hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật, hợp tác phát triển, hợp tác khu vực, môi trường thông tin và truyền thông.

Trong lĩnh vực thương mại, hai bên quyết định dành cho nhau Quy chế tối huệ quốc (MNF), đề ra một số biện pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho buôn bán song phương. EU trợ giúp Việt Nam trong quá trình đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). EU cũng quyết định đưa Việt Nam vào danh sách các nước hưởng Quy chế ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) của EU.

Về hợp tác kinh tế, các bên thoả thuận hợp tác kinh tế bao gồm 3 lĩnh vực hoạt động chung là:

+ Cải thiện môi trường kinh tế Việt Nam bằng cách tạo thuận lợi cho việc tiếp cận công nghệ và bí quyết của EU.

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho các cuộc tiếp xúc giữa các nhà hoạt động kinh tế cũng như tiến hành các biện pháp khác nhằm khuyến khích trao đổi buôn bán và đầu tư trực tiếp.

+ Tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau về môi trường kinh tế, xã hội của nhau, làm nền tảng cho sự hợp tác có hiệu quả.

Về viện trợ phát triển và đầu tư, Hiệp định quy định: EU sẽ tăng cường cung cấp viện trợ cho Việt Nam thông qua các chương trình, dự án cụ thể trong nhiều lĩnh vực khác nhau (nông nghiệp, y tế, giáo dục...). Hiệp định cũng khuyến khích các nhà đầu tư tư nhân EU mở rộng đầu tư hơn vào Việt Nam và sẽ có những hoạt động hỗ trợ một cách gián tiếp cho các nhà đầu tư. Trong lĩnh vực môi trường, hợp tác EU - Việt Nam dành ưu tiên cho những lĩnh vực sau:

+ Bảo vệ và giữ gìn thoả đáng rừng tự nhiên.

+ Tìm kiếm các giải pháp thực tế cho những vấn đề năng lượng ở nông thôn.

+ Bảo vệ môi trường ở thành thị.

+ Phòng ngừa ô nhiễm công nghiệp.

+ Bảo vệ môi trường và hệ sinh thái biển.

+ Tăng cường khả năng quản lý môi trường cho các cơ quan quản lý môi trường trung ương và địa phương.

Để triển khai hợp tác, hai bên đã thoả thuận thành lập Ủy ban Hỗn hợp bao gồm các quan chức cao cấp đại diện cho mỗi bên. Ủy ban sẽ họp hai năm một lần, thay đổi

giữa Brusells và Hà Nội. Khi cần thiết, có thể triệu tập các phiên họp bất thường. Ủy ban có thể lập ra các nhóm chuyên môn để giúp thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban hoặc điều phối việc hoạch định và thực hiện các chương trình, các dự án trong khuôn khổ của Hiệp định.

Việc ký kết Hiệp định Khung hợp tác Việt Nam - EU là thắng lợi của nền ngoại giao Việt Nam ở thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh. Nói về ý nghĩa của việc ký Hiệp định này, ông C. Patten, Ủy viên Ủy ban Châu Âu phụ trách về đối ngoại nhấn mạnh: *"Hiệp định này thể hiện sự hiểu biết của châu Âu đối với đặc thù, nhu cầu và nguyện vọng của Việt Nam... Hơn nữa, việc ký Hiệp định Khung bày tỏ tin tưởng của chúng tôi rằng, Việt Nam đóng vai trò quan trọng đối với cả EU và Ủy ban Châu Âu do vị trí chiến lược của Việt Nam ở Đông Nam Á"*⁽²⁾.

Dựa trên cơ sở pháp lý và những điều kiện thuận lợi do Hiệp định hợp tác Việt Nam - EU cung cấp, quan hệ giữa nước ta và EU đã không ngừng phát triển và được mở rộng ra nhiều lĩnh vực.

2. Hiệp định hợp tác EC - ASEAN.

Ngoài Hiệp định Khung, hợp tác Việt Nam - EU còn dựa trên một cơ sở pháp lý nữa là Hiệp định hợp tác EC - ASEAN - EEC được ký ngày 20-8-1980. Hiệp định có mục đích:

- Tăng cường các tổ chức khu vực theo

đuổi sự tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hoá.

- Phát triển các quan hệ mậu dịch kinh tế trên cơ sở các lợi ích so sánh và lợi ích chung.

- Đóng góp vào việc mở rộng mậu dịch quốc tế. Hiệp định dành quy chế tối huệ quốc cho các bên có liên quan trong các quan hệ thương mại và bao trùm lên ba lĩnh vực hợp tác chính: thương mại, kinh tế và phát triển.

Trong lĩnh vực thương mại, hai bên thoả thuận thúc đẩy sự phát triển và đa dạng hoá các quan hệ thương mại ở mức cao nhất, nghiên cứu các phương cách, các biện pháp vượt qua các hàng rào mậu dịch.

Về hợp tác kinh tế, EC cam kết hợp tác với ASEAN để tiến hành các dự án sản xuất thực phẩm, cung cấp và phát triển các khu vực nông thôn, các phương tiện giáo dục đào tạo. ASEAN và EC cũng đồng ý khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác về tài chính.

Hiệp định hợp tác ASEAN - EC cũng như một số văn kiện khác đã tạo cơ sở pháp lý cho quan hệ hợp tác giữa Cộng đồng Châu Âu và ASEAN trong suốt 20 năm qua.

Ngày 2-10-1997, Nghị viện Châu Âu đã thông qua một nghị quyết có tính chất lập pháp, phê chuẩn việc mở rộng Hiệp định hợp tác EC - ASEAN cho Việt Nam tham gia vào⁽³⁾.

⁽²⁾ Trích trả lời phỏng vấn của Tuần báo quốc tế của ông C. Patten. Đặc san Tuần báo quốc tế, tr. 10.

⁽³⁾ Bulletin. European Institute of Asian Studies. Vol. 1, N° 10, p.3.

Với việc tham gia vào Hiệp định hợp tác EC - ASEAN, triển vọng hợp tác giữa nước ta và EU càng được mở rộng hơn nữa. Điều này lý giải vì sao quan hệ giữa nước ta và Cộng đồng Châu Âu phát triển nhanh chóng và tương đối thuận lợi hơn so với quan hệ giữa EU và các thành viên mới khác của ASEAN.

III. QUAN HỆ VIỆT NAM - EU TỪ SAU KHI KÝ HIỆP ĐỊNH KHUNG TỚI NAY

Với mục đích thúc đẩy quan hệ Việt Nam - EU thời kỳ mới, hai bên đã soạn thảo và thông qua chiến lược hợp tác Việt Nam - EU trong thời kỳ 1996-2000. Chiến lược được gọi là *"Cộng đồng Châu Âu - Việt Nam hướng tới một quan hệ đối tác toàn diện"*. Chiến lược đề ra 4 mục tiêu chính là:

- Tạo điều kiện và khuyến khích tăng trưởng, phát triển đầu tư, thương mại hai chiều giữa hai bên vì lợi ích chung.

- Hỗ trợ kinh tế lâu bền và cải thiện điều kiện sống cho các tầng lớp dân cư nghèo ở Việt Nam.

- Thúc đẩy hợp tác kinh tế vì lợi ích chung, bao gồm cả hỗ trợ Chính phủ Việt Nam trong nỗ lực cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển sang nền kinh tế thị trường.

- Hỗ trợ bảo vệ môi trường và sử dụng lâu bền các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Để đạt được mục tiêu trên, Việt Nam và EU đã xúc tiến các hoạt động mạnh mẽ

nhằm làm cho quan hệ hợp tác giữa hai bên trở nên toàn diện và sâu sắc hơn ở thời kỳ mới.

1. Quan hệ thương mại:

Sau 10 năm thiết lập quan hệ (1990-1999), quy mô buôn bán giữa nước ta với EU đã tăng 12,1 lần. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 31,8%. Theo số liệu thống kê của EU, năm 1999, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của EU sang Việt Nam là 4.446,0 triệu USD, trong đó xuất khẩu trị giá 3.325,1 triệu USD, nhập khẩu trị giá 1.120,9 triệu USD⁽⁴⁾. Số lượng các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang EU ngày càng tăng. Ngoài những mặt hàng chủ lực như cà phê, chè, hiện nay còn có thêm những sản phẩm công nghiệp như: hàng dệt, quần áo may sẵn, giày dép, đồ gỗ, gốm, sứ mỹ nghệ. Đáng chú ý là một số mặt hàng công nghệ cao như hàng điện tử sản xuất ở Việt Nam cũng đã được xuất khẩu sang thị trường EU. Thực hiện Hiệp định khung hợp tác giữa Việt Nam - EU, EU liên tục tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hoá của Việt Nam được xuất sang EU như: áp dụng hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) cho hàng hoá xuất xứ từ Việt Nam; công nhận 29 doanh nghiệp chế biến thuỷ hải sản Việt Nam đạt tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh EU...

⁽⁴⁾ Nguồn: Việt Nam - EU tiến tới đối tác toàn diện vì phát triển. Đặc san Tuần báo Quốc tế, tr. 63.

Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU
(đơn vị: triệu đô la)

	1996	1997	1998	1999
Tổng kim ngạch	7.255	9.174	9.373	11.523
Kim ngạch sang EU	848,4	1.533	2.109	2.477
Tỷ trọng (%)	11,7	16,7	22,5	21,7

Nguồn: Niên giám thống kê. Vụ Thương mại. Bộ Kế hoạch - Đầu tư.

Trong số các bạn hàng của Việt Nam trong khối EU, Đức được xem là bạn hàng lớn nhất, chiếm tới 28,5% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - EU, tiếp đến là Pháp (20,7%), Anh (12,7%), Italia (6,9%), Bỉ, Lucxembua (8,1%), Hà Lan (7,6%), Tây Ban Nha (4,2%), Thụy Điển (2,8%), Đan Mạch (2,2%), Áo (1,4%), Phần Lan (0,9%), Aixelen, Hy Lạp, Bồ Đào Nha (0,4% cho mỗi nước).

Mặc dù phát triển với tốc độ khá nhanh, nhưng trị giá thương mại của Việt Nam mới chỉ chiếm 0,12% tổng buôn bán quốc tế của EU. Tỷ lệ buôn bán đó không tương xứng với tiềm năng kinh tế của hai bên và chưa đáp ứng được yêu cầu hợp tác thương mại của cả Việt Nam lẫn EU.

2. Quan hệ đầu tư

Quan hệ hợp tác đầu tư giữa Việt Nam và EU cũng đang phát triển. Từ năm 1988 đến nay, đã có 322 dự án đầu tư của EU vào Việt Nam với số vốn đăng ký lên tới 5,38 tỷ USD. Trừ các dự án đã hết hạn, giải thể hoặc chuyển nhượng vốn, EU hiện còn 241 dự án với tổng vốn đăng ký là 4,38 tỷ USD, chiếm 10% vốn dự án và 12,2% vốn đăng ký của các dự án đang hoạt động tại Việt Nam. Đứng đầu trong số các nhà đầu tư từ EU vào Việt Nam là Pháp

với 104 dự án, vốn đăng ký 1.789 triệu USD, tiếp theo là Anh với 29 dự án - 1.047 triệu USD, Hà Lan với 36 dự án - 578 triệu USD, Thụy Điển với 8 dự án - 371 triệu USD và Đức với 29 dự án - 355 triệu USD.

Đầu tư của EU vào Việt Nam có mặt trên khắp các lĩnh vực. Những lĩnh vực được các nhà đầu tư EU quan tâm nhất ở Việt Nam là bưu chính viễn thông, điện, nước, tài chính, ngân hàng (chiếm hơn 30% tổng số vốn đầu tư của EU vào Việt Nam với khoảng 1,3 tỷ USD)⁽⁵⁾. Các tập đoàn kinh tế lớn của EU đang có mặt tại Việt Nam như France Telecom (Pháp), Comvik (Thụy Điển), công ty Lyonnaise des Eaux (Pháp).

Lĩnh vực thứ hai thu hút nhiều vốn đầu tư của EU là nông nghiệp và chế biến thực phẩm. Tính tới giữa năm 2000, đã có 27 dự án đầu tư vào các ngành nông, lâm, ngư nghiệp (với số vốn lên tới 346 triệu USD, chiếm 7,9% tổng số vốn đăng ký), 15 dự án công nghiệp thực phẩm (303 triệu USD, chiếm 6,9% tổng số vốn đầu tư)⁽⁵⁾. Tình hình đầu tư của EU vào nền kinh tế Việt Nam được phản ánh qua bảng 2.

⁽⁵⁾ Dẫn theo TS Nguyễn Bích Đạt: Vài nét về đầu tư trực tiếp nước ngoài của EU tại Việt Nam. Bài đăng trên Đặc san của Tuần báo Quốc tế. Tài liệu đã dẫn, tr. 60.

Bảng 2: Tình hình đầu tư của EU vào Việt Nam
(tính tới 11-5-2000)

TT	Nước đầu tư	Số dự án	Tổng số vốn đầu tư	Vốn pháp định	Vốn thực hiện
1	Pháp	143	2.176.197.065	1.128.011.567	622.087.966
2	Anh	40	1.299.974.683	938.435.926	897.868.397
3	Hà Lan	46	833.295.016	621.524.717	733.945.880
4	Đức	38	375.030.506	143.498.898	107.472.455
5	Thụy Điển	9	372.980.405	357.930.405	98.230.070
6	Đan Mạch	6	112.485.840	70.003.000	52.273.000
7	Ý	12	61.449.142	24.843.600	58.728.838
8	Bỉ	12	59.471.775	20.367.754	4.473.398
9	Luxembua	11	5.561.324	5.628.730	17.463.895
10	Áo	4	5.345.000	2.755.000	2.295.132
11	Phần Lan	1	81.000	81.000	-
12	Toàn bộ EU	322	5.381.871.756	3.475.080.597	2.613.838.576
13	% EU/Tổng số	10,8	12,6	17,6	15,5

Nguồn: Vụ Quản lý dự án. Bộ Kế hoạch - Đầu tư.

Trong số các dự án của EU, Pháp có 18 dự án với 231,7 triệu USD, trong đó riêng tập đoàn Bourbon (Pháp) đã có dự án với tổng số vốn gần 300 triệu USD và trên 50% số vốn này được tập trung vào các nhà máy đường và chế biến nông sản thực phẩm. Ngoài ra, các doanh nghiệp EU còn có 128 dự án đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp dầu khí, xây dựng với tổng vốn đăng ký là 1,74 tỷ USD, chiếm gần 40% tổng số vốn đầu tư của EU vào Việt Nam. Một số dự án lớn như Hợp đồng thăm dò khai thác dầu khí giữa Tổng công ty dầu khí Việt Nam với tập đoàn BP (Anh) và Staoil (Na Uy), vốn đăng ký là 103 triệu USD; dự án sản xuất methanol trên nhà máy nổi của Anh có số vốn đầu tư 270 triệu USD...

Với tiềm lực tài chính mạnh mẽ, công nghệ hiện đại, các dự án của EU triển khai tương đối tốt, hoạt động có hiệu quả. Các dự án của EU đã đạt mức doanh thu 2,3 tỷ USD

và thu hút 2,3 vạn lao động Việt Nam làm việc trong các doanh nghiệp có đầu tư của EU⁽⁵⁾.

Tuy nhiên, đầu tư của EU vào Việt Nam còn chưa tương xứng với năng lực đầu tư ra nước ngoài của các nước thành viên EU. Hiện nay, FDI của EU chỉ chiếm 10% tổng FDI ở Việt Nam và chiếm phần không đáng kể trong FDI của EU ở nước ngoài. Phần lớn đầu tư của EU tập trung vào cung cấp dịch vụ tại chỗ nhằm khai thác thị trường nội địa của Việt Nam, do đó đóng góp vào doanh thu xuất khẩu của Việt Nam còn thấp.

3. Hợp tác phát triển:

Cùng với hợp tác kinh tế, hợp tác phát triển được xem là một kênh rất quan trọng của quan hệ song phương Việt Nam - EU.

Trong giai đoạn 1995-2000, viện trợ phát triển của EU dành cho Việt Nam tăng từ 32 triệu Ecu/năm trong các năm 1994-1995 lên 52 triệu Ecu/năm trong thời kỳ 1996-2000. Viện trợ phát triển của EU cho Việt

Nam được ưu tiên cho:

- Hỗ trợ phát triển nông thôn, vùng núi khó khăn.

- Hỗ trợ các hoạt động nhằm đảm bảo vấn đề môi trường.

- Hỗ trợ các ngành xã hội chịu tác động của quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường.

Nhằm giúp đỡ Việt Nam trong quá trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường, EU đã đề ra một Chương trình 3 năm (1995-1998) với kinh phí 16 triệu Ecu. Đây là sáng kiến hợp tác kinh tế lớn nhất của EU ở châu Á. Chương trình của EU bao trùm lên những lĩnh vực sau:

- Cải cách các khu vực hành chính quan trọng nhất để tạo điều kiện cho chúng quá độ sang kinh tế thị trường.

- Đào tạo ở trình độ cao.

- Lập ra khuôn khổ luật pháp để tạo thuận lợi cho sự hội nhập của Việt Nam vào môi trường toàn cầu và khu vực, khuyến khích đầu tư nước ngoài, đặc biệt đầu tư của các công ty châu Âu.

Chương trình trên được tập trung vào 5 ưu tiên, bao gồm:

- Cải cách hệ thống kế toán nhằm làm cho hệ thống đó phù hợp với hệ thống của các nước trong khu vực. Mở rộng hệ thống đó tới tất cả các nhà hoạt động kinh tế và cung cấp cho họ một sự kiểm tra độc lập.

- Phát triển một khuôn khổ tham khảo đối với hệ thống bảo hiểm có khả năng đáp ứng yêu cầu của khách hàng trong môi trường kinh tế thị trường.

- Viện trợ cho Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư để giúp thu hút đầu tư tư nhân vào khu vực nhà nước và khuyến khích đầu tư nước ngoài.

- Trợ giúp về kỹ thuật trong việc kiểm tra tiêu chuẩn và chất lượng, khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế và kiểm tra sản phẩm xuất khẩu.

- Hiện đại hoá và cải thiện môi trường luật pháp đối với việc quản lý bằng sáng chế và thương hiệu.

Ngoài ra, ODA của EU còn được sử dụng để hỗ trợ thực hiện nhiều dự án phát triển khác. Hoạt động chủ yếu của các dự án này là tăng cường các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, phát triển thủy lợi, nâng cao trình độ canh tác, phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn...

4. Quan hệ hợp tác về giáo dục và văn hoá

Hợp tác giáo dục đào tạo Việt Nam - EU được bắt đầu thông qua việc tài trợ cho Chương trình "*Liên kết các trường đại học khoa học và kỹ thuật*" (năm 1996, do AUPELF/UREF - sau này là Cơ quan đại học của Khối Các nước có sử dụng tiếng Pháp (AUF) tổ chức). Chương trình được tiến hành trong 3 năm (1996-1999) và với 16 trong tổng số 47 đơn vị nằm trong chương trình thuộc các lĩnh vực như hoá học, công trình, khách sạn, nông phẩm, quản lý... Chương trình đã đạt được một số kết quả khả quan.

Gần đây, hợp tác giáo dục với EU được triển khai thông qua một số dự án như "*Hỗ trợ Bộ Giáo dục*". Dự án đã được khởi động với 3 bộ phận: Hỗ trợ về thể chế, quản lý và về sư phạm nhằm cải thiện hiệu quả của mô hình giảng dạy, đặc biệt trong các trường tiểu học. Các dự án khác như "*Chương trình nghiên cứu châu Âu*", "*Dự án đào tạo phiên dịch hội nghị*"... Đang được triển khai.

Hợp tác văn hoá giữa Việt Nam - EU cũng được đẩy mạnh. Một trong những hoạt động hợp tác trong lĩnh vực đó là tổ chức

cuộc triển lãm nghệ thuật “*Việt Nam trong thế kỷ 20*”, được tổ chức tại Brusells và Palermo đã thành công tốt đẹp.

Ngoài ra, một cuốn sách về văn hoá Việt Nam bằng tiếng Pháp với sự phối hợp của Đại sứ quán Pháp tại Hà Nội, Cơ quan liên chính phủ của tổ chức Francophonie, cộng đồng Wallonie- Brusells đã được xuất bản trong năm 2000. Cuốn sách sẽ được Hội đồng Anh (Bristish Council) trợ giúp để dịch ra tiếng Anh.

5. Hợp tác chính trị

Trong Hiệp định khung hợp tác Việt Nam - EU không đề cập tới hợp tác chính trị giữa hai bên. Điều này không có nghĩa là nước ta và Liên minh Châu Âu không có nhu cầu hợp tác về chính trị. Hợp tác chính trị Việt Nam - EU thường được triển khai thông qua quan hệ ASEAN - EU, ARF, ASEM mà cả EU và Việt Nam đều là các bên tham gia.

Đối với các vấn đề trên, quan điểm của Việt Nam thường gắn với quan điểm của ASEAN. Chẳng hạn, khi bàn tới các bước đi sắp tới của ARF, Việt Nam và các nước ASEAN khác đều cho rằng, cần tiếp tục làm cho các hoạt động xây dựng lòng tin trở nên sâu sắc hơn và tiến hành các bước chuẩn bị cần thiết cho việc chuyển sang giai đoạn ngoại giao phòng ngừa. Ngược lại, EU và các nước phương Tây khác lại muốn ARF sớm được thể chế hoá. Mục đích của EU và Mỹ là muốn giành quyền lãnh đạo ARF từ tay ASEAN. Việt Nam và EU cũng có lập trường trái ngược nhau liên quan tới việc tham gia của Myanmar vào ASEAN.

Điều đáng lưu ý là mặc dù có những căng thẳng trong quan hệ với ASEAN, quan hệ của EU với nước ta vẫn phát triển thuận lợi.

*

* *

Nhìn lại quan hệ Việt Nam - EU trong những năm gần đây, có thể rút ra một số nhận xét sau:

Thứ nhất, hợp tác Việt Nam - EU được phát triển dựa trên các cơ sở pháp lý vững chắc, đó là Hiệp định Khung hợp tác Việt Nam - EU, Hiệp định hợp tác ASEAN - EU (1980).

Thứ hai, sau khi Việt Nam tham gia ASEAN, tính chất của mối quan hệ Việt Nam - EU đã khác trước. Trong quan hệ với EU, Việt Nam không chỉ là một quốc gia độc lập có chủ quyền mà còn là thành viên của ASEAN, ARF và ASEM, các tổ chức hợp tác đa phương mà EU là một đối tác, một thành viên sáng lập. Các quan hệ với ASEAN, ASEM, ARF không gây cản trở cho quan hệ của Việt Nam với Liên minh Châu Âu mà bổ sung và mở rộng các lĩnh vực hợp tác giữa hai bên. Tư cách thành viên ASEAN, ASEM và ARF đã giúp Việt Nam nâng cao vị thế của mình trong quan hệ với Liên minh Châu Âu. Do tính chất đa diện của quan hệ Việt Nam - EU từ sau 1995, quan hệ này đã khác về chất so với quan hệ Việt Nam - EU ở giai đoạn trước.

Thứ ba, quan hệ Việt Nam - EU từ sau 1995 được phát triển theo một chiến lược phát triển quan hệ do hai bên vạch ra. EU là đối tác nước ngoài duy nhất cho tới nay có chiến lược phát triển quan hệ với Việt Nam. Điều này cho thấy EU rất coi trọng quan hệ với nước ta.

Hợp tác Việt Nam - EU đã đưa lại lợi ích cho cả hai bên. Những lợi ích đó đã và đang tạo đà cho quan hệ Việt Nam - EU phát triển nhanh hơn, sâu sắc hơn trong những năm sắp tới./.